



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

# KHUÔN KHỔ VÀ MẪU TRÌNH BÀY TIÊU CHUẨN

TCVN 1 - 87  
- 95  
SOÁT XÉT LẦN THỨ BA

HÀ NỘI

*Cơ quan quan biên soạn :*

Trung tâm Tiêu chuẩn Chất lượng  
Tổng cục Tiêu chuẩn — Đo lường — Chất lượng  
Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước  
Giám đốc, chủ nhiệm đề tài: **Lê Văn Thiệu**  
Người thực hiện: **Trần Ngôn Hùng**

*Cơ quan đề nghị ban hành và trình duyệt :*

Tổng cục Tiêu chuẩn — Đo lường — Chất lượng  
Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước  
Tổng cục phó: **Hoàng Mạnh Tuấn**

*Cơ quan xét duyệt và ban hành :*

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước  
Phó chủ nhiệm: Phó tiến sĩ: **Đoàn Phương**

Quyết định ban hành số 111/QĐ ngày 17 tháng 3 năm 1987.

**KHUÔN KHỔ VÀ MẪU TRÌNH BÀY TIÊU CHUẨN**

TCVN  
1 — 87  
Soát xét lần thứ 3

Форматы и оформление стандартов

Sizes and forming of standards

Có hiệu lực  
từ 1-1-1988

**1. Tiêu chuẩn này thay thế cho TCVN 1-76.**

Tiêu chuẩn này quy định khuôn khổ, mẫu trình bày tiêu chuẩn các cấp bao gồm tiêu chuẩn Việt nam, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn địa phương và tiêu chuẩn cơ sở in riêng và khi in chung thành tập.

**2. Khổ giấy in tiêu chuẩn được quy định như sau :**

Khổ nhỏ: 148 × 210 mm

Khổ lớn: 210 × 297 mm

Sai số cho phép ± 2 mm.

*Chú thích :* 1. Đối với những trang tiêu chuẩn khi dùng các khổ quy định như trên vẫn chưa đủ cho phép nơi rộng thêm khổ giấy theo bội của một nửa khổ giấy về phía mở đọc.

2. Đối với các tiêu chuẩn không in typô, cho phép khuôn khổ và kích thước không theo đúng các quy định trong tiêu chuẩn này.

**3. Các tiêu chuẩn in riêng hoặc in chung thành tập đều cần phải có bìa. Đối với tiêu chuẩn và tập tiêu chuẩn có số lượng từ 5 tờ trở xuống, tờ bìa có thể làm bằng giấy in tiêu chuẩn. Hình thức trình bày trên mặt bìa phải theo mẫu sau :**

Mặt bìa dùng cho tiêu chuẩn Việt nam (hình 1);

Mặt bìa dùng cho tiêu chuẩn ngành (hình 2);

Mặt bìa dùng cho tiêu chuẩn địa phương (hình 3);

Mặt bìa dùng cho tiêu chuẩn cơ sở (hình 4).

**4. Trang 2 của tờ bìa ghi danh sách cơ quan biên soạn, cơ quan đề nghị ban hành, cơ quan trình duyệt, cơ quan xét duyệt và ban hành, ngày tháng và số quyết định ban hành tiêu chuẩn.**

Sau tên cơ quan cần ghi rõ họ tên thủ trưởng cơ quan đã ký vào các văn bản trong hồ sơ tiêu chuẩn và các cá nhân chịu trách nhiệm chính kèm theo chức vụ và học vị của họ (xem phụ lục). Đối với những tiêu chuẩn có bìa lót bằng giấy in tiêu chuẩn, nội dung ghi trên cần phải được ghi ở trang 2 của bìa lót.

*Chú thích :* Khi trùng lặp tên một cơ quan hay một cá nhân thì nên viết gọn.

**5. Kích thước, khung tiêu đề và hình thức trình bày các trang tiêu chuẩn phải theo đúng mẫu sau :**

Mẫu dùng cho trang đầu tiêu chuẩn Việt nam chính thức áp dụng (hình 5);

Mẫu dùng cho trang đầu tiêu chuẩn ngành chính thức áp dụng (hình 6);

Mẫu dùng cho trang đầu tiêu chuẩn địa phương chính thức áp dụng (hình 7);

Mẫu dùng cho trang đầu tiêu chuẩn cơ sở (hình 8);

Mẫu dùng cho trang bên trái của tất cả các trang tiêu chuẩn các cấp (hình 9);

Mẫu dùng cho trang bên phải của tất cả các trang tiêu chuẩn các cấp (hình 10).

Số trang của tiêu chuẩn phải ghi số thứ tự của trang trên tổng số trang của tiêu chuẩn.

**6. Phần nội dung của tiêu chuẩn phải được in như sau :**

Đối với trang bên trái: cách mép trái của trang giấy 8mm, cách mép phải của trang giấy 20 mm, cách mép dưới của trang giấy 15 mm.

Đối với trang bên phải: cách mép phải của trang giấy 8mm, cách mép trái của trang giấy 20mm, cách mép dưới của trang giấy 15mm.

7. Đối với những tiêu chuẩn áp dụng hoàn toàn tiêu chuẩn của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO, tiêu chuẩn của Ủy ban điện quốc tế IEC, tiêu chuẩn của Hội đồng tương trợ kinh tế ST SEV thì dưới phần ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn ở khung tiêu đề phải ghi ký hiệu và số hiệu của tiêu chuẩn quốc tế tương ứng nhưng có cỡ chữ và số hiệu nhỏ hơn. Khi không có cỡ chữ nhỏ hơn thì ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn quốc tế đề trong ngoặc đơn.

Ví dụ: 1) TCVN xx — xx

ISO xxx

2) TCVN xx — xx

ST SEV xx — xx

3) TCVN xxx — xx

IEC xxx

4) TCVN xx — xx

(ISO xxx)

8. Đối với những tiêu chuẩn soát xét thì dưới ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn ở trang bìa và ở khung tiêu đề ghi thêm câu « Soát xét lần... ».

Ví dụ: TCVN 1 — 86

Soát xét lần thứ 3

9. Đối với những tiêu chuẩn chính thức áp dụng nhưng có giới hạn thời gian hoặc khuyến khích áp dụng thì ở trang đầu của những tiêu chuẩn này dùng chữ « có hiệu lực từ... » được thay bằng « có hiệu lực từ... đến... » hay « khuyến khích áp dụng ».

10. Nếu các tiêu chuẩn được in thành tập thì ngoài số trang của từng tiêu chuẩn, số trang của tập được ghi từ đầu đến cuối ở mép ngoài phía dưới từng trang.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

(Tên gọi của tiêu chuẩn)

TCVN (số hiệu của tiêu chuẩn)

HÀ NỘI

Hình 1. Mẫu trình bày mặt bìa của Tiêu chuẩn Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN NGÀNH

(Tên gọi của tiêu chuẩn)

(Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn)

Hình 2. Mẫu trình bày mặt bìa của tiêu chuẩn ngành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Ủy ban Nhân dân (Tỉnh, thành phố) .

TIÊU CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG

(Tên gọi của tiêu chuẩn)

(Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn)

Hình 3. Mẫu trình bày mặt bìa của tiêu chuẩn địa phương

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUAN)  
(Tên cơ sở)

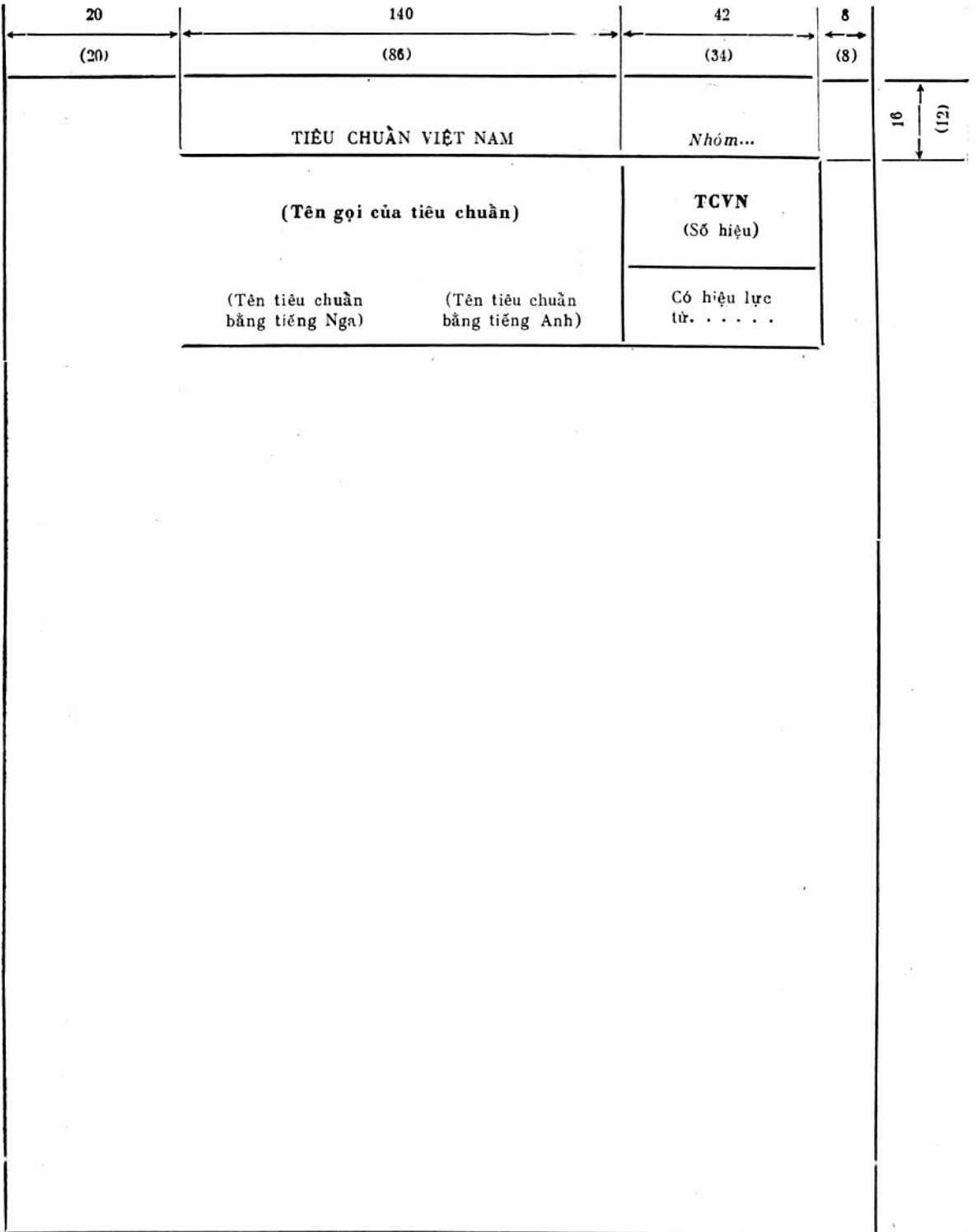
TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

(Tên gọi của tiêu chuẩn)

(Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn)

Hình 4. Mẫu trình bày mặt bìa của tiêu chuẩn cơ sở





Hình 5. Mẫu trình bày trang đầu của Tiêu chuẩn Việt nam. Kích thước dùng cho khổ nhỏ ghi trong ngoặc đơn

20 (20)	42 (34)	98 (52)	42 (31)	8 (8)	
		TIÊU CHUẨN NGÀNH	<i>Nhóm...</i>		16 (12)
Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam	(Tên gọi của tiêu chuẩn)		(Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn ngành)		24 (16)
Bộ (hoặc tổng cục)			Có hiệu lực từ . . . . .		10 (8)

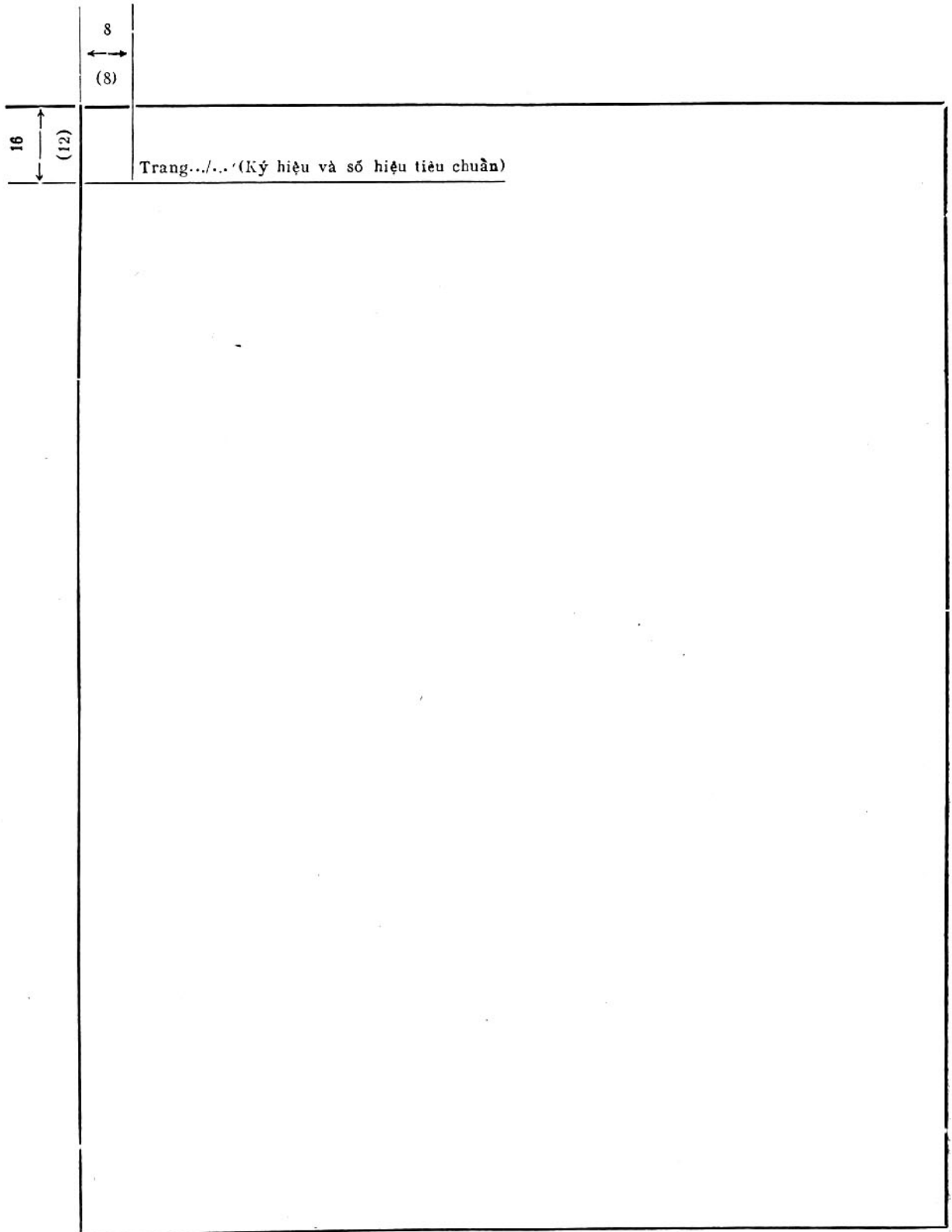
Hình 6. Mẫu trình bày trang đầu của tiêu chuẩn ngành. Kích thước dùng cho khổ nhỏ ghi trong ngoặc đơn

20 (20)	42 (34)	98 (52)	42 (34)	8 (8)	
		TIÊU CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG	Nhóm..		16 (12)
Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam	(Tên gọi của tiêu chuẩn)		(Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn địa phương)		24 (16)
Ủy ban Nhân dân (tỉnh, thành phố)			Có hiệu lực từ . . . . .		10 (8)

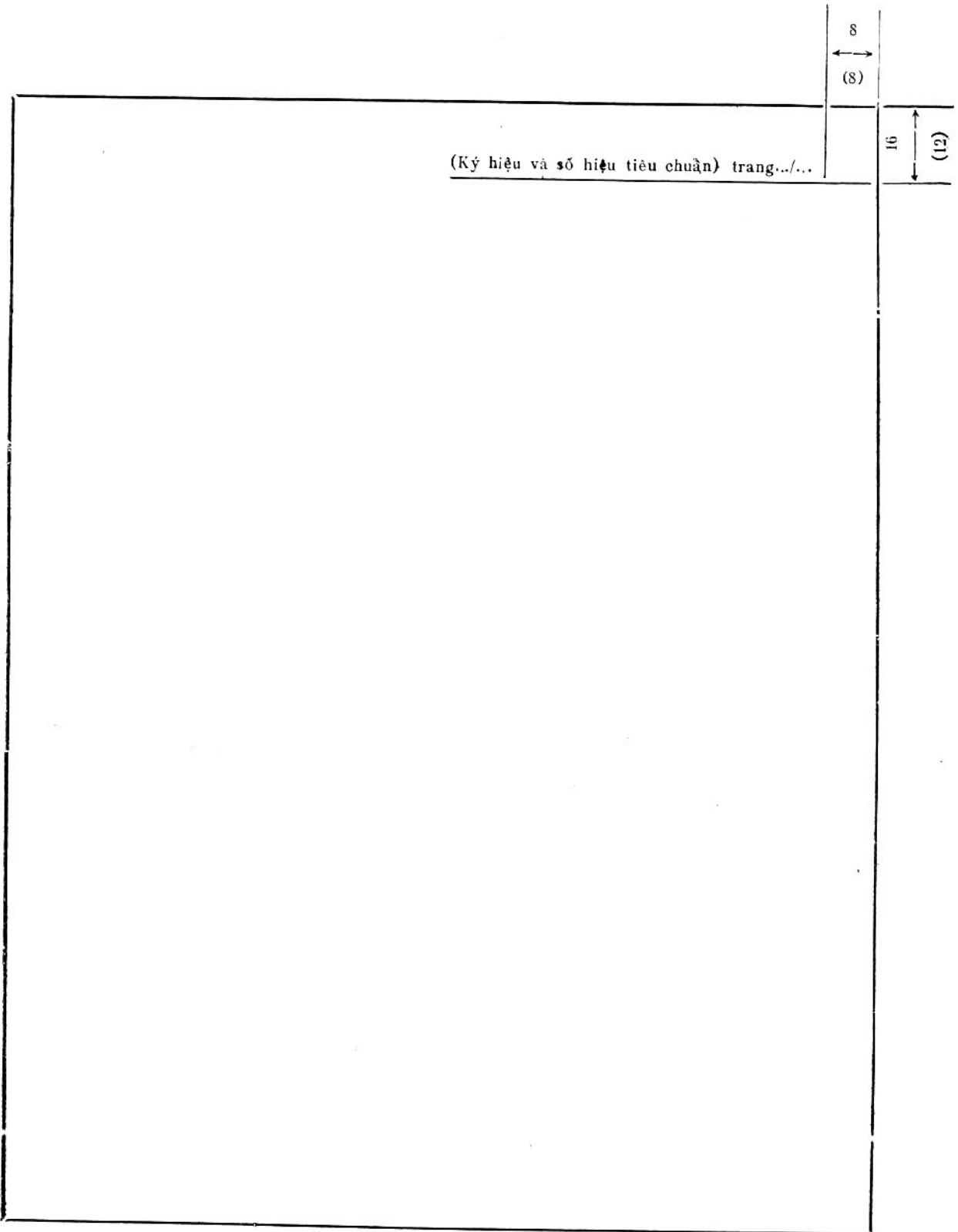
Hình 7. Mẫu trình bày trang đầu của tiêu chuẩn địa phương. Kích thước dùng cho khổ nhỏ ghi trong ngoặc đơn

20 (20)	42 (34)	98 (52)	42 (34)	8 (8)	
		TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	<i>Nhóm...</i>		16 (12)
	(Tên cơ quan chủ quản)	(Tên gọi của tiêu chuẩn)	(Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn cơ sở)		24 (16)
	(Tên cơ sở)		Có hiệu lực từ...		10 (8)

Hình 8. Mẫu trình bày trang đầu của tiêu chuẩn cơ sở. Kích thước dùng cho khổ nhỏ ghi trong ngoặc đơn



Hình 9. Trang bên trái của tiêu chuẩn. Kích thước dùng cho khổ nhỏ ghi ở trong ngoặc đơn



Hình 10. Trang bên phải của tiêu chuẩn. Kích thước dùng cho khổ nhỏ ghi trong ngoặc đơn

PHỤ LỤC

Nội dung trình bày trang 2 tờ bìa tiêu chuẩn

*Cơ quan biên soạn:* (Tên cơ quan và cơ quan chủ quản)

Thủ trưởng cơ quan (họ, tên, chức vụ và học vị);

Chủ nhiệm đề tài (họ, tên, chức vụ và học vị);

Người thực hiện (họ, tên, chức vụ và học vị);

*Cơ quan phối hợp biên soạn:* (tên cơ quan và cơ quan chủ quản);

Thủ trưởng cơ quan (họ, tên, chức vụ và học vị);

Người thực hiện (họ, tên, chức vụ và học vị);

*Cơ quan đề nghị ban hành:* (tên cơ quan và cơ quan chủ quản)

Thủ trưởng cơ quan (họ, tên, chức vụ và học vị);

*Cơ quan trình duyệt:* (tên cơ quan và cơ quan chủ quản)

Thủ trưởng cơ quan (họ, tên, chức vụ và học vị);

*Cơ quan xét duyệt và ban hành:* (tên cơ quan)

Thủ trưởng cơ quan (họ, tên, chức vụ và học vị);

Quyết định ban hành số /QĐ ngày tháng năm

---